

Bản án số: **109/2023/HSST**
Ngày : 04/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;
2/ Bà Huỳnh Tố Linh;

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên : **NGUYỄN ANH T1**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 04/5/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường N, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Quốc V, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1981; Nhân thân: Ngày 23/02/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Đến ngày 09/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi Quyết định khởi tố bị cáo đối với Nguyễn Anh T1 sang tội “Giết người”; Ngày 19/4/2023 Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt mức án 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam ngày 07/3/2022;

2. Họ và tên : **NGÔ TRƯỜNG G**; Giới tính: Nam; sinh ngày: 23/6/2005 tại Hưng Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông Ngô Văn G, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/02/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”; Đến ngày 09/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh thay đổi

Quyết định khởi tố bị cáo đối với Ngô Trường G sang tội “Giết người”; Ngày 19/4/2023 Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt mức án 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người” (bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị tăng mức hình phạt); Tạm giữ, tạm giam: Bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam ngày 07/3/2022;

3. Họ và tên : **ĐOÀN VĂN TUỜNG K**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 24/02/2005 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường Q, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Sửa xe; Con ông Đoàn Văn B, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/9/2022 bị Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 14/3/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 08/02/2023 bị Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bắt tạm giam ngày 10/3/2022;

4. Họ và tên : **TRẦN VĂN T2**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 29/01/2003 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1979 và bà Trần Thị S, sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại;

5. Họ và tên : **TRẦN ĐỨC VINH S**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/4/2004 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường P, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Đức Quý V, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thụy Ngọc T, sinh năm 1983; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 01/12/2022;

(các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Ngô Trường G: Bà Nguyễn Thị C (Mẹ ruột), địa chỉ đường B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đoàn Văn Tường K: Bà Nguyễn Thị T (Mẹ ruột), địa chỉ đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Đức Vinh S: Bà Nguyễn Thụy Ngọc T (Mẹ ruột), địa chỉ: đường P, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(các bà C , T có mặt, bà Thẩm vắng mặt tại phiên tòa)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Đức Vinh S: Luật sư Lâm Quốc V – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

(có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh Chung Gia H1, sinh năm 2001;

Địa chỉ: đường M, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Quang N.

Địa chỉ: đường S, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh H2.

Địa chỉ: đường B, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

3/ Ông Nguyễn Ngọc T3.

Địa chỉ: đường N, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

4/ Ông Bùi Quốc B.

Địa chỉ: đường X, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 23/11/2021, Trần Đức Vinh S, Trương Đức Tuấn Đ, Trần Văn P, Đoàn Văn Tường K, Nguyễn Trung N1, Trần Đức H3, Lê Nhật Q1, H4 (chưa rõ lai lịch) cùng một số đối tượng (chưa rõ lai lịch) gặp nhau tại quán cà phê đường G, phường T, quận T để uống cà phê thì H4 rủ cả nhóm đi đánh đối tượng tên Chính H5 do H4 và Chính H5 có mâu thuẫn với nhau, cả nhóm đồng ý nên H4 hẹn cả nhóm gặp nhau vào lúc 20 giờ cùng ngày tại trường Trung học phổ thông L, phường S, quận T. Sau đó, S gọi điện thoại rủ Ngô Trường G đi đánh nhau, G đồng ý và gọi điện thoại rủ Nguyễn Anh T1 đi đánh nhau thì T1 đồng ý rồi G điều khiển xe gắn máy đi đón T1 và chở đến nhà của H (chưa rõ lai lịch) để lấy dao tự chế, H4 gọi điện thoại rủ Đoàn Văn Tường K, Nguyễn Trung N1 đi đánh nhau, N1 đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ cả nhóm đến trước trường L, phường S để gặp Chính H5. Lúc này, H4 và S nói chuyện với Chính H5 thì S dùng tay nắm Chính H5 02 cái vào mặt. Sau đó cả hai bên bỏ về, trên đường về đến đường Q thì có khoảng 06 đối tượng điều khiển xe gắn máy áp sát xe của S, đối tượng trong nhóm này lấy trong người ra một cây mã tấu, thấy vậy S tăng ga bỏ chạy. Sau đó, S nói mọi người trong nhóm của S về lấy dao, mã tấu để đi đánh nhóm của Chính H5. Sau đó, P rủ thêm Trần Văn T2 đi đánh nhau, T2 đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày cả nhóm tập trung tại quán cà phê trên, K điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số 59P1-729.52 chở S ngồi sau cầm dao tự chế (mã tấu); G điều khiển xe gắn máy hiệu Hoda Wave biển số 29L7-5288 chở T1 ngồi sau cầm dao tự chế (mã tấu); T2 điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số 66MA-03431 chở P ngồi sau cầm dao tự chế (mã tấu); Đạt điều khiển xe gắn máy hiệu Honda AriBlade biển số 55P6-5495 chở Kiệt (chưa rõ lai lịch) ngồi sau cầm khúc cơ bi a; H4 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số 59F2-276.43 chở N2; Q1 điều khiển xe gắn máy hiệu Honda AriBlade biển số 59P1-544.69 chở N1 ngồi sau không cầm hung khí và một số đối tượng khác (chưa rõ lai lịch) qua nhiều tuyến đường tìm nhóm của Chính H5. Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, nhóm của H4 đang lưu thông trên đường V thì thấy anh Chung Gia H1, anh Hồ Thăng D, chị Nguyễn Thị Thanh N3, anh Huỳnh T3, chị Lê Hạnh Q1 và

anh T4 đang ngồi nói chuyện ở khuôn viên trước nhà đường V, phường P, quận T nghĩ là nhóm của Chính H5 nên cả nhóm dừng lại. Lúc này, P, S, T1 mỗi người cầm một cây mã tấu đi đến vị trí chỗ anh Chung Gia H1 ngồi, S cầm mã tấu chém 01 cái từ trên xuống vào chân phải của anh Chung Gia H1 còn T1 cũng cầm 01 cây mã tấu chém 01 nhát vào chân trái của anh Chung Gia H1, một đối tượng (chưa rõ lai lịch) dùng khúc cơ bi-a đánh vào tay phải của anh Hồ Thăng D gây bầm da. Sau đó phát hiện chém nhầm người nên cả nhóm lên xe tẩu thoát.

Qua làm việc, anh Chung Gia H1 có đơn yêu cầu xử lý hình sự và giám định thương tích. Riêng anh Hồ Thăng D có đơn yêu cầu không xử lý hình sự và từ chối giám định thương tích.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Anh T1, Trần Đức Vinh S, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K và Trần Văn T2 đã thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 87/TgT.22 ngày 21/02/2022 của Trung tâm Pháp Y - Sở Y Tế TP.Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Chung Gia H1 như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng gối phải gây đứt da, đứt gân cơ tứ đầu đùi đã được điều trị, hiện còn một sẹo trùng sẹo mổ kích thước 19,5 x (0,2 - 0,5) cm (ảnh 1,2), hạn chế duỗi căng chân một phần (ảnh 3).

Có tỉ lệ 06%.

Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

- Vết thương vùng mắt trước 1/3 giữa căng chân phải đã được điều trị, hiện còn một sẹo kích thước 9,5 x (0,1 - 0,4)cm (ảnh 4), hình ảnh mổ xương trụ ngay dưới vị trí vết thương trên phim Xquang lúc nhập viện và lúc giám định (ảnh 5,6).

Có tỉ lệ 04%.

Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.

- Vết thương vùng mắt cá trong chân trái đã được điều trị, hiện còn một sẹo kích thước 3,5 x (0,1 - 0,3)cm (ảnh 7), tình trạng ổn định.

Có tỉ lệ 01%.

Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

- Vết thương vùng mắt ngoài gót bàn chân trái đã được điều trị, hiện còn:

+ 01 sẹo kích thước 9 x (0,1 - 0,3)cm (ảnh 8,9).

+ Tổn thương thần kinh gan chân ngoài trên chỗ chia nhánh cơ dạng ngón út, ngay dưới vị trí vết thương trên điện cơ đồ.

+ Hạn chế dạng ngón út, giảm cảm giác một phần bờ ngoài lòng bàn chân (ảnh 10).

Có tỉ lệ 08%.

Vết thương trên do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

Cộng các tỉ lệ trên theo Thông tư 22/2019/TT - BYT sẽ ra tỉ lệ 18%.

2. Theo Thông tư số 22/2019/TT – BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 18%.

3. Kết luận khác:

- Tất cả các vết thương trên không gây nguy hiểm đến tích mạng đương sự.”

*** Vật chứng:**

- Thu giữ của Lê Nhật Q1:

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số: 59P1 - 544.69, số khung: RLHJF18007Y623109, số máy: JF18E - 5123217, Q1 sử dụng chở N1 đi đánh nhau. Q1 khai nhận mượn xe gắn máy trên của cha ruột là ông Lê Quang N, thường trú: đường L, phường M, quận T để đi công việc.

Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Huỳnh Đại P, thường trú: đường B, Phường C, quận T đứng tên chủ sở hữu. Làm việc với ông P cho biết mua xe gắn máy trên vào tháng 8/2013 sau đó bán lại cho ông Lê Quang N. Ông N cho biết ngày 23/11/2021 cho con ruột là Lê Nhật Q1 mượn xe gắn máy để đi công việc, việc Q1 sử dụng xe gắn máy để đi đánh nhau thì ông N không biết.

- Thu giữ của Ngô Trường G:

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 29L7-5288, số khung: NF110M - 8011470, số máy: NF110ME - 8011470, G sử dụng chở T1 đi đánh nhau. G khai nhận: Mua xe gắn máy trên từ một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán xe.

Qua xác minh, xe gắn máy trên do chị Phan Yến N, thường trú: đường P, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị Nguyệt cho biết, mua xe gắn máy trên từ tháng 11/2000 sau đó bán lại cho người đàn ông (chưa rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán xe.

- Thu giữ của Trần Văn T2:

+ 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số: 66MA- 03431, số khung: RPEKCB3PEHA307947, số máy: VDEJQ139FMB - 2- 307947, T2 sử dụng chở P đi đánh nhau. T2 khai mua xe trên của một người (chưa rõ lai lịch) từ tháng 6/2019 và không làm giấy tờ mua bán xe.

Qua xác minh xe gắn máy trên do chị Lê Kim T, thường trú: đường N, xã Đ, huyện T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị T cho biết mua xe gắn máy trên từ tháng 6/2017 sau đó bán lại cho một người (chưa rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán xe.

- Thu giữ của Trương Đức Tuấn Đ:

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số: 55P6-5495, số khung: RLHJF1806AY600134, số máy: JF27E - 0000404, Đạt sử dụng chở K đi đánh nhau. Đạt khai mượn xe gắn máy trên của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thanh H2, để đi công việc.

Qua xác minh xe gắn máy trên do bà Nguyễn Thị Thanh H2 thường trú: đường B, phường S, quận T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, chị H2 cho biết ngày

23/11/2021 cho con ruột là Trương Đức Tuấn Đ mượn xe gắn máy trên để đi công việc, việc Đạt sử dụng xe gắn máy để đi đánh nhau thì chị H2 không biết.

* Thu giữ của Danh Ngọc N2:

+ 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số: 59F2-276.43, số khung: MH1JM5119LK673935, số máy: JF51E - 1673746, N2 sử dụng làm phương tiện đi đánh nhau. N2 khai nhận mượn xe gắn máy trên của bố ruột là ông Nguyễn Ngọc T3 để đi công việc.

Qua xác minh xe gắn máy trên do ông Nguyễn Ngọc T3 thường trú: đường C, phường B, Quận B đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc ông T3 cho biết ngày 23/11/2021 cho con ruột là Danh Ngọc N2 mượn xe gắn máy để đi công việc, N2 sử dụng xe gắn máy để đi đánh nhau thì ông T3 không biết.

* Thu giữ của Trần Đức Vinh S:

+ 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số: 59P1-729.52; số máy: 1SK1 - 002601; số khung: RLCL1SK110DY002603, S sử dụng làm phương tiện đi đánh nhau. S khai nhận mượn xe máy trên của anh Bùi Quốc B để đi công việc.

Qua xác minh, xe gắn máy trên do chị Bùi Lê Kim Q, thường trú: đường X, phường N, quận T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị Q cho biết mua xe từ tháng 5/2013, sau đó cho anh Bùi Quốc B mượn làm phương tiện đi lại. Qua làm việc, anh B cho biết ngày 23/11/2021, anh B cho Trần Đức Vinh S mượn xe để đi công việc, việc S sử dụng xe để đi đánh nhau thì anh B không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh B và anh B không có yêu cầu gì khác.

Các vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 33/PNK ngày 04/4/2022 và phiếu xuất kho vật chứng số: 25/PNK ngày 19/01/2023.

*** Về phần dân sự:** Anh Chung Gia H1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 và Trần Đức Vinh S bồi thường số tiền 100.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 13 tháng 02 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 và Trần Đức Vinh S về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng như xem xét các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 và Trần Đức Vinh S về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Ngô Trường G mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đoàn Văn Tường K mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn T2 mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm o Khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Đức Vinh S mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù;

Đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Những người bào chữa cho các bị cáo Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Đức Vinh S là luật sư Lâm Quốc V thống nhất với lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: các bị cáo có tuổi đời còn trẻ, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo Ngô Trường G đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006444 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường một phần cho phía bị hại do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt dành cho bị cáo G, đối với các bị cáo K và S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát;

Các bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 và Trần Đức Vinh S nói lời sau cùng: bị cáo hối hận về việc làm của mình nên mong Hội đồng xét xử xem xét một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội sửa sai làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, các bản kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 23/11/2021 Nguyễn Anh T1, Trần Đức Vinh S dưới sự giúp sức của Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 đã có hành vi dùng mã tấu chém gây thương tích với tỷ lệ thương tật 18% cho anh Chung Gia H1 tại khuôn viên trước nhà đường V, phường P, quận T. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” thuộc các trường hợp “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính côn đồ”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra tại thời điểm phạm tội, bị cáo Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Đức Vinh S chưa đủ 18 tuổi do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng chế định dành cho người chưa đủ 18 tuổi phạm tội quy định tại các Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với các bị cáo.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng hành vi của các bị cáo mang tính tự phát, giữa các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp “phạm tội có tổ chức”;

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của công dân mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự xã hội nên cần phải có hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và ngăn ngừa chung trong xã hội. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, làm mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hiện nay tình hình an ninh, trật tự, đặc biệt là cách hành xử côn đồ, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà sẵn sàng gây thương tích cho người khác của một bộ phận thanh niên trong xã hội đang xảy ra ngày càng nhiều và nghiêm trọng. Vì vậy, việc truy tố và đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và răn đe các đối tượng khác.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Đức Vinh S là người rủ rê các bị cáo khác phạm tội, bị cáo S cùng với bị cáo Nguyễn Anh T1 là người trực tiếp thực hiện hành vi chém anh Chung Gia H1 nên hình phạt dành cho bị cáo Trần Đức Vinh S, Nguyễn Anh T1 có phần nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về tội “Giết người” và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 mức án 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”, tuyên phạt bị cáo Ngô Trường G mức án 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người”. Hiện bị cáo G bị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị chờ xét xử phúc thẩm. Do hình phạt dành cho bị cáo T1 đã có hiệu lực nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt chung của các bản án.

Đối với bị cáo Đoàn Văn Tường K hiện đang chấp hành hình phạt 05 (năm) năm ba (03) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại các Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2022/HSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các Bản án.

Đối với các đối tượng Trần Văn P, Nguyễn Trung N1, Lê Nhật Q1 và Trương Đức Tuấn Đ có hành vi gây thương tích cho anh Chung Gia H1, tuy nhiên khi thực hiện hành vi phạm tội các đối tượng này đều có độ tuổi (dưới 16 tuổi), phạm tội nghiêm trọng nên dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với các đối tượng này về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” theo quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 5 Nghị Định 167/2013/NĐ-CP.

Đối với đối tượng tên H4 do chưa rõ nhân thân, lai lịch nên chưa làm việc được. Hiện cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Riêng đối với Danh Ngọc N2, khi đến gặp N1 mượn tiền để đổ xăng thì N1 nhờ chở H4, N2 không biết cả nhóm đi đánh nhau và cũng không ai rủ hay nói cho N2 biết cả nhóm đi đánh nhau. Qua xác minh hiện N2 không có ở địa phương, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo Trần Đức Vinh S là người rủ rê, xúi giục các bị cáo Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K là những người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp “xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, quá trình chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo Ngô Trường G đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006444 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để bồi thường một phần cho phía bị hại nên đây cũng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo G;

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì lẽ ra các bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền bổ sung. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo T1, T2 phạm lần đầu, các bị cáo S, K và G phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Chung Gia H1 yêu cầu các bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 và Trần Đức Vinh S bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo K và G thống nhất ý kiến đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và chia đều cho mỗi bị cáo, mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự thoả thuận tự nguyện của bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và người bị hại, không trái pháp luật nên ghi nhận sự thoả thuận này, buộc mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đối với bị cáo G qua trình chuẩn bị xét xử đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa

vụ bồi thường cho bị hại nên bị cáo G không phải nộp tiếp, cản trở vào sổ tiền tạm thu theo biên lai thu tiền số 0006444 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (bị cáo G đã nộp đủ);

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số: 59P1 - 544.69, số khung: RLHJF18007Y623109, số máy: JF18E - 5123217. Qua xác minh được biết chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông Lê Quang N, thường trú: đường L, Phường M, quận T. Hội đồng xét xử xét thấy ông Nhật không biết việc Q1 sử dụng làm phương tiện đi đánh nhau nên trả lại cho ông N;

Đối với một 01 xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 29L7-5288, số khung: NF110M - 8011470, số máy: NF110ME - 8011470, G sử dụng chở T1 đi đánh nhau. G khai nhận: Mua xe gắn máy trên từ một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán xe. Qua xác minh, xe gắn máy trên do chị Phan Yến N, thường trú: đường P, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị N cho biết, mua xe gắn máy trên từ tháng 11/2000 sau đó bán lại cho người đàn ông (chưa rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán xe. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe có nguồn gốc không rõ ràng cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trong một khoảng thời gian nhất định. Quá thời hạn không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số: 66MA- 03431, số khung: RPEKCB3PEHA307947, số máy: VDEJQ139FMB - 2- 307947, T2 sử dụng chở P đi đánh nhau. T2 khai mua xe trên của một người (chưa rõ lai lịch) từ tháng 6/2019 và không làm giấy tờ mua bán xe. Qua xác minh xe gắn máy trên do chị Lê Kim T, thường trú: đường N, xã Đ, huyện T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị T cho biết mua xe gắn máy trên từ tháng 6/2017 sau đó bán lại cho một người (chưa rõ lai lịch) và không làm giấy tờ mua bán xe. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe có nguồn gốc không rõ ràng cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo trong một khoảng thời gian nhất định. Quá thời hạn không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số: 55P6-5495, số khung: RLHJF1806AY600134, số máy: JF27E - 0000404. Qua xác minh được biết chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thanh H2 thường trú: đường B, phường S, quận T. Hội đồng xét xử xét thấy bà H2 không biết việc Đ sử dụng làm phương tiện đi đánh nhau nên trả lại cho bà H.

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số: 59F2-276.43, số khung: MH1JM5119LK673935, số máy: JF51E - 1673746. Qua xác minh được biết chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc T3 thường trú: đường N, phường B, Quận B. Hội đồng xét xử xét thấy ông T3 không biết việc N2 sử dụng làm phương tiện đi đánh nhau nên trả lại cho ông T3.

Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Luvias biển số: 59P1-729.52; số máy: 1SK1 - 002601; số khung: RLCL1SK110DY002603. Cơ quan điều tra đã trả lại xe gắn máy trên cho anh B và anh B không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

(Các vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 33/PNK ngày 04/4/2022)

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Văn T2 và Trần Đức Vinh S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Nguyễn Anh T1 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 15 (mười lăm) năm tù về tội “Giết người” theo bản án hình sự sơ thẩm số 168/2023/HSST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 19 (mười chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022.

* Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Ngô Trường G 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2022;

* Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Đoàn Văn Tường K 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2022;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tổng hợp hình phạt trên với hình phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2023/HSST ngày 08/2/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm số 67/2022/HSST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2022.

* Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Trần Văn T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

* Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 17; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 90; Điều 91 và Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo:

Trần Đức Vinh S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2022;

* Áp dụng Điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giao một (01) xe gắn máy hiệu Honda Wave biển số: 29L7-5288, số khung: NF110M - 8011470, số máy: NF110ME - 8011470, 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter biển số: 66MA- 03431, số khung: RPEKCB3PEHA307947, số máy: VDEJQ139FMB - 2- 307947 cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng. Quá thời hạn trên mà không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Trả cho ông Lê Quang N 01 xe gắn máy hiệu Honda AirBlade biển số: 59P1 - 544.69, số khung: RLHJF18007Y623109, số máy: JF18E - 5123217/

Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H2 01 xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số: 55P6-5495, số khung: RLHJF1806AY600134, số máy: JF27E - 0000404.

Trả cho ông Nguyễn Ngọc T3 01 xe gắn máy hiệu Honda Vario biển số: 59F2-276.43, số khung: MH1JM5119LK673935, số máy: JF51E - 1673746

(Các vật chứng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đang nhập kho theo phiếu nhập kho vật chứng số: 33/PNK ngày 04/4/2022)

Buộc bị cáo Nguyễn Anh T1 có trách nhiệm bồi thường cho anh Chung Gia H1 số tiền là 20.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Trần Đức Vinh S có trách nhiệm bồi thường cho anh Chung Gia H1 số tiền là 20.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Trần Văn T2 có trách nhiệm bồi thường cho anh Chung Gia H1 số tiền là 20.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Đoàn Văn Tường K có trách nhiệm bồi thường cho anh Chung Gia H1 số tiền là 20.000.000 đồng;

Anh Chung Gia H1 được nhận lại số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006444 ngày 04/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Mỗi bị cáo phải chịu 1.000.000 (Một triệu) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật;

Hội đồng xét xử quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Anh T1, Ngô Trường G, Đoàn Văn Tường K, Trần Đức Vinh S 45 ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27 CATP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Huỳnh Hoàng Phương